

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Bản án số: 35/2020/DS-ST

Ngày 11-8-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Lê Dung

2. Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 11-8-2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A. Địa chỉ: 198 đường B, phường C, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đức T - Chức vụ: Phó phòng đơn vị khách hàng thể nhân – Ngân hàng A, chi nhánh Vũng Tàu (có mặt).

(Văn bản ủy quyền số 746A/UQ-VT-HCNS ngày 20-5-2020)

Bị đơn: Ông Lê Hưng T, sinh năm 1985; Địa chỉ: 360/64 đường X, phường Y, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 28-5-2012, Ngân hàng A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) – Chi nhánh Vũng Tàu có ký kết hợp đồng phát hành thẻ tín dụng Master số 0800585 với số tài khoản là 023100035571 loại thẻ cá nhân tín chấp cho ông Lê Hưng T với tổng số tiền hạn mức tín dụng là 30.000.000 đ (Ba mươi triệu đồng). Thẻ tín dụng trên được ông Lê Hưng T sử dụng để chi tiêu cho nhu cầu cá nhân, lãi suất thả nổi theo từng thời kỳ. Theo quy định thì khách hàng được phép sử dụng tiền trước, sau đó ngân hàng sẽ sao kê và khách hàng phải thanh toán số tiền đã sử dụng vào ngày ngày 25 hàng tháng cho ngân hàng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lê Hưng T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán sao kê nhiều kỳ cho ngân hàng. Ngân hàng đã gửi Thông báo nhắc nợ, đồng thời liên hệ nhiều lần nhưng cho đến nay ông Lê Hưng T vẫn trốn tránh và cố ý không thanh toán dư nợ thẻ tín dụng. Tổng số tiền nợ trong việc sử dụng thẻ của ông Lê Hưng T tính đến ngày 10-6-2020 là 29.995.159 đ (Hai mươi chín triệu, chín trăm chín mươi lăm ngàn, một trăm năm mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc: 23.752.778 đ (Hai mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi hai ngàn, bảy trăm bảy mươi tám đồng); Nợ lãi trong hạn: 6.242.381 đ (Sáu triệu, hai trăm bốn mươi hai ngàn, ba trăm tám mươi một đồng).

Nay Ngân hàng A yêu cầu ông Lê Hưng T có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền trên. Ngân hàng sẽ không tiếp tục thu số tiền lãi và phí phát sinh kể từ ngày 11-6-2020 cho đến ngày ông Lê Hưng T trả dứt nợ theo quy định trong Hợp đồng thẻ tín dụng.

Bị đơn – ông Lê Hưng T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập nhưng không đến Tòa để làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa thì thấy yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng A khởi kiện ông Lê Hưng T phải trả số tiền nợ do sử dụng thẻ tín dụng thẻ Master số 0800585, nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Hưng T có địa chỉ cư trú 360/64 đường X, phường Y, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Tại kết quả xác minh của Công an Phường Y, thành phố Vũng Tàu, hiện nay tại địa chỉ 360/64 X, phường Y, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu không có ai tên là Lê Hưng T đăng ký cư trú hay đang cư trú. Theo lời khai của Ngân hàng thì tại thời điểm ký Hợp đồng ông Thành có địa chỉ cư trú thực tế tại 360/64 đường X, phường Y, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Nay, ông T thay đổi địa chỉ cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng biết.

Căn cứ Khoản 3 Điều 40, điểm b Khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự, điểm a, Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017, ông Lê Hưng T thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, do đó địa chỉ 360/64 đường X, phường Y, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu được xem là nơi cư trú cuối cùng của ông T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Lê Hưng T phải thanh toán số tiền 29.995.159 đ (Hai mươi chín triệu, chín trăm chín mươi lăm ngàn, một trăm năm mươi chín đồng), Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trên cơ sở đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng ký kết giữa Ngân hàng A và ông Lê Hưng T, ngày 28-5-2012, ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng Master số 0800585, loại thẻ cá nhân tín chấp với tổng hạn mức tín dụng là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Hội đồng xét xử nhận thấy việc ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ quy định của pháp luật về giao kết hợp đồng nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Lê Hưng T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán sao kê nhiều kỳ cho ngân hàng. Tính đến ngày 10-6-2020 ông Lê Hưng T còn nợ ngân hàng số tiền là 29.995.159 đ (Hai mươi chín triệu, chín trăm chín mươi lăm ngàn, một trăm năm mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc: 23.752.778 đ (Hai mươi ba triệu, bảy trăm lăm mươi hai ngàn, bảy trăm bảy mươi tám đồng); Nợ lãi trong hạn: 6.242.381 đ (Sáu triệu, hai trăm bốn mươi hai ngàn, ba trăm tám mươi một đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và triệu tập bị đơn đến làm việc liên quan đến việc sử dụng hạn mức tín dụng và thanh toán nợ tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong vụ án để giải quyết. Như vậy, có căn cứ xác định ông Lê Hưng T còn nợ ngân hàng số tiền 29.995.159 đ (Hai mươi chín triệu, chín trăm chín mươi lăm ngàn, một trăm năm mươi chín đồng). Căn cứ các điều khoản phát hành thẻ tín dụng đã ký, ngân hàng yêu cầu ông Lê Hưng T phải thanh toán toàn bộ dư nợ thẻ quá hạn là có cơ sở chấp nhận.

Vì vậy, căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với ông Lê Hưng T; buộc ông Lê Hưng T phải thanh toán cho ngân hàng số tiền 29.995.159 đ (Hai mươi chín triệu, chín trăm chín mươi lăm ngàn, một trăm năm mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc: 23.752.778 đ (Hai mươi ba triệu, bảy trăm lăm mươi hai ngàn, bảy trăm bảy mươi tám đồng); Nợ lãi trong hạn: 6.242.381 đ (Sáu triệu, hai trăm bốn mươi hai ngàn, ba trăm tám mươi một đồng).

Ngoài ra, ngân hàng sẽ không tiếp tục thu số tiền lãi và phí phát sinh kể từ ngày 11-6-2020 cho đến ngày ông Lê Hưng T trả dứt nợ theo quy định trong Hợp đồng thẻ tín dụng. Xét đây là ý kiến tự nguyện của phía nguyên đơn, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Lê Hưng T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trên số nợ phải trả 29.995.159 đồng là 1.499.758

đồng.

- Ngân hàng A không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc ông Lê Hưng T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A số tiền 29.995.159 đ (Hai mươi chín triệu, chín trăm chín mươi lăm ngàn, một trăm năm mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc: 23.752.778 đ (Hai mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi hai ngàn, bảy trăm bảy mươi tám đồng); Nợ lãi trong hạn: 6.242.381 đ (Sáu triệu, hai trăm bốn mươi hai ngàn, ba trăm tám mươi một đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngân hàng sẽ không tiếp tục thu số tiền lãi và phí phát sinh kể từ ngày 11-6-2020 cho đến ngày ông Lê Hưng T trả dứt nợ theo quy định trong Hợp đồng thế tín dụng.

[2] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông Lê Hưng T phải nộp 1.499.758 đồng (Một triệu, bốn trăm chín mươi chín ngàn, bảy trăm năm mươi tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng A 700.000 đồng (Bảy trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000051 ngày 27-02-2020 của Chi cục thi hành án dân sự TP. Vũng Tàu.

[3] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (người vắng mặt 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND TP.Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP.Vũng Tàu;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Thu Nga